TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 02 - 2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khải

Bà Nguyễn Thị Đấu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà*:** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 7 ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị B: Chị Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1 H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyen Hien H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: A S, A, LA G, Hoa Kỳ.

(Chị B, chị P và anh H1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Ngọc B trình bày:

Chị và anh Nguyen Hien H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 13/3/2020. Sau khi kết hôn, do chị và anh H bị giới hạn về khoảng cách địa lý, không thể ở gần nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, không thấu hiểu được nhau. Nay, chị B xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N Hien Huu

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Nên chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyen Hien H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 33, diện tích 126.0m^2, tọa lạc ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH07399 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 11/02/2010 là tài sản riêng của chị B vì thửa đất này chị B tạo lập trước khi kết hôn với anh Nguyen Hien H.

Do bận việc gia đình và sức khỏe không được tốt nên chị B xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2023, bị đơn là anh Nguyen Hien H trình bày:*

Thống nhất với chị B về thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị B chung sống ở Việt Nam được hơn nửa năm thì anh quay lại Hoa Kỳ có việc. Sau đó, vì lý do dịch C - 19 kéo dài nên anh chưa thể trở lại Việt Nam để đoàn tụ với chị B. Thời gian gần đây, anh phát hiện chị B có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài. Chị B chủ động đề nghị anh ly hôn với chị B. Hiện nay, giữa anh và chị B không còn tiếng nói chung, cả hai không còn yêu thương gì nhau, không quan tâm nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng do mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên anh yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Ngọc B.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trước khi kết hôn khoảng 01 năm, anh bắt đầu chuyển tiền về Việt Nam cho chị B mua căn nhà tọa lạc: 784/6 ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Do thời điểm đó cả hai đã quyết định tiến tới hôn nhân nên anh tin tưởng chị B, do anh bận công việc ở H nên việc mua nhà ở Việt Nam anh giao cho chị B được toàn quyền thực hiện, anh chỉ biết căn nhà này được mua qua hình thức vay Ngân hàng. Kể từ năm 2019 đến tháng 11/2022, anh đã nhiều lần chuyển tiền về Việt Nam cho chị B trả tiền mua nhà. Tổng cộng anh đã chuyển cho chị B số tiền 23.500 USD. Đến nay thì khoản nợ vay tại Ngân hàng để mua căn nhà nêu trên đã được tất toán. Do vậy, anh yêu cầu được chia căn nhà này theo quy định của pháp luật, yêu cầu được chia giá trị nhà và nhận tiền 01 lần.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do sức khỏe và khoảng cách địa lý nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Ngọc B là chị Huỳnh Hoàng P có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trình bày quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như sau:

Trong thời kỳ hôn nhân chị B và anh N Hien Huu không có tạo lập được tài sản chung nào. Tài sản mà chị B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 165, tờ bản đồ 33, địa chỉ ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, số vào sổ cấp GCN: 07399, cấp ngày 19/7/2019 có trước ngày chị B kết hôn với anh Nguyen Hien H (đăng ký kết hôn ngày 13/3/2020) và tất cả những thủ tục vay thế chấp tại Ngân hàng không liên quan gì đến anh Nguyen Hien H. Vì vậy, đủ cơ sở xác định đây là tài sản riêng của chị Nguyễn Ngọc B. Anh Nguyen Hien H có yêu cầu phản tố chia tài sản chung là căn nhà và thửa đất nêu trên nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và chưa được Tòa án chấp nhận thụ lý yêu cầu phản tố. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn với anh Nguyen Hien H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh H. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Ngọc B và anh N Hien Huu tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh

Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 13/3/2020, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị B trình bày sau khi kết hôn, do chị và anh N Hien Huu bị giới hạn về khoảng cách địa lý, không thể ở gần nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, chị B khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyen Hien H.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2023, anh Nguyen Hien H trình bày anh thống nhất xin ly hôn với chị B.

Xét việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Ngọc B và anh N Hien Huu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3.2]. Về tài sản chung:

Chị B trình bày giữa chị và anh N Hien Huu không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn nhà gắn liền với thửa đất số 165, tờ bản đồ 33, địa chỉ ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, số vào sổ cấp GCN: 07399, cấp ngày 19/7/2019 cho bà Nguyễn Ngọc B là tài sản riêng của chị có trước khi kết hôn với anh Nguyen Hien H. Chị B không có yêu cầu Tòa án xác định tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyen Hien H trình bày trước khi kết hôn khoảng 01 năm, anh bắt đầu chuyển tiền nhiều lần về Việt Nam cho chị B mua căn nhà tọa lạc: 784/6 ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang qua hình thức vay Ngân hàng.Tổng cộng anh đã chuyển cho chị B số tiền 23.500 USD. Nay, anh H yêu cầu được chia căn nhà này theo quy định của pháp luật, anh H yêu cầu được nhận giá trị nhà.

Xét thấy, sau khi nhận được đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của anh H, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 09/TB-TA ngày 20/12/2023 với nội dung: "*Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này phải đến trụ sở Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, địa chỉ: Số A, đường R, Phường A, thành phố M, Tiền Giang để nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.*". Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên, anh H, người đại diện theo ủy quyền của anh H không nộp lại biên lai cho Tòa án. Cho nên Tòa án đã ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện (phản tố) số 01/TB-TA ngày 12/01/2024 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 194 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ "Thông báo trả lại đơn khởi kiện (phản tố)", anh H không có khiếu nại, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không kiến nghị. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu của anh N Hien Huu về việc xin chia tài sản chung là căn nhà tọa lạc: 784/6 ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[3.4]. Về con chung và nợ chung: Chị B và anh N Hien Huu trình bày không có con chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc B.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Nguyen Hien H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000477 ngày 22/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với anh N Hien Huu thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND Tp M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy